

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày 12/12/2017

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Miên ;

2. Ông Nguyễn Văn Diệp;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Trong ngày 12/12/2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân-Gia đình thụ lý số: 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị A Sinh năm 1969.

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh H Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Cùng thôn Mook Đ 2, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị A và anh Võ Thanh H có trải qua thời gian tìm hiểu khoảng một năm và tự nguyện sống chung với nhau từ 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của chị A và anh H không được hạnh phúc do anh H thường xuyên rượu chè, nhậu nhẹt về nhà đánh đập chị A. Năm 2003, anh H phạm tội chém chết người bị xử phạt 19 năm tù. Đến năm 2017, anh H chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống nhưng do trong thời gian anh H đi thi hành án, chị A ở nhà sống chung như vợ chồng với người đàn ông khác và cũng do thời gian anh H và chị A sống xa nhau đã quá lâu hai bên không còn tình cảm với nhau nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

**Về con chung và nuôi con chung:* Chị Trần Thị A và anh Võ Thanh H công nhận có 04 con chung tên:

1. Võ Thanh T Sinh năm 1992

2. Võ Thanh T Sinh ngày 25/7/1996

3. Võ Thanh N

Sinh ngày 04/5/1999

4. Võ Thị Thu H

Sinh ngày 13/5/2002

Đối với cháu T, cháu T, cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên chị A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị A và anh H tự nguyện thỏa thuận giao cháu H cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Vì chị A không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung, nợ chung:* Chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:* Chị A tự nguyện chịu toàn bộ án phí về ly hôn theo pháp luật quy định.

Trong quá trình tham gia tố tụng chị A đã giao nộp cho Tòa án và Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai những tài liệu chứng cứ sau:

- 01 Sổ hộ khẩu (photo, chứng thực);
- 02 Chứng minh nhân dân (photo chứng thực);
- 03 Giấy khai sinh (Bản sao);

Chị A và anh H nhất trí với tài liệu chứng cứ nêu trên không có ý kiến gì

Quá trình tham gia tố tụng, chị A và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo nội dung đơn: Chị A và anh H giữ nguyên những lời đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

1/ Về tố tụng: Chị Trần Thị A có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Võ Thanh H nhưng do chị A và anh H sống chung nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật qui định do đó Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” và giải quyết hậu quả về việc “Nuôi con chung” là đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đúng Pháp luật qui định. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đều đảm bảo đúng pháp luật qui định.

2/ Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh H thừa nhận có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 cho đến năm 2003 anh H chém chết người bị Tòa án xử phạt 19 năm tù. Năm 2017, anh H chấp hành xong án phạt và trở về địa phương sinh sống. Hiện tại cả chị A và anh H đều không còn tình cảm với nhau và không mong muốn hàn gắn sống chung nữa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14,15,53 Luật hôn nhân - Gia đình năm 2014, xử theo hướng tuyên bố không công nhận chị A và anh H là vợ chồng.

** Về nuôi con chung:* Quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh H thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung và án phí của vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị A và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82,83,84, Luật Hôn nhân - Gia đình xử theo hướng giao cháu H cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với nguyện vọng của chị A, anh H và cháu H, vì chị A không yêu cầu nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của chị A là phù hợp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung ý kiến đã trình bày như lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Võ Thanh H có trải qua thời gian yêu thương, tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo qui định của Luật Hôn nhân-Gia đình thì việc hôn nhân giữa chị A và anh H là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng

Cuộc sống chung giữa chị A và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau, trong thời gian anh H đi chấp hành hình phạt 19 năm tù, chị A ở nhà chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác, từ khi anh H chấp hành xong án phạt trở về địa phương sinh sống thì chị A và anh H không còn tình cảm với nhau nữa, cả hai bên đều có nguyện vọng mong muốn được chấm dứt cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14,15 Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 cần tuyên bố: Không công nhận chị Trần Thị A và anh Võ Thanh H là vợ chồng.

[2] Về con chung và nuôi con chung: Chị Trần Thị A và anh Võ Thanh H công nhận có 04 con chung tên:

- | | |
|-----------------|---------------------|
| 1. Võ Thanh T | Sinh năm 1992. |
| 2. Võ Thanh T | Sinh ngày 25/7/1996 |
| 3. Võ Thanh N | Sinh ngày 04/5/1999 |
| 4. Võ Thị Thu H | Sinh ngày 13/5/2002 |

Đối với cháu T, cháu T, cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên chị A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian từ khi anh H đi chấp hành án phạt tù cho đến nay, cháu H do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A có yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và cũng được anh H nhất trí. Bên cạnh đó quá trình giải quyết vụ án, cháu H có nguyện vọng xin ở với mẹ. Do đó cần giao cháu H cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của con. Vì chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn theo pháp luật qui định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Điều 28,35,36, 144, 146,147,266,269,271,273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Trần Thị A và anh Võ Thanh H là vợ chồng.

- Về con chung và nuôi con chung: Theo nguyện vọng của con, xử giao cháu Võ Thị Thu H, sinh ngày 13/5/2002 cho chị Trần Thị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Vì chị A không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, chị A và anh H đều có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Chị A tự nguyện chịu hết toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006735 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị A và anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản sao Bản án được niêm yết hợp lệ

(Đã giải thích phần Quyết định của Bản án)

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa